ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83 /QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc huyện Vũ Thư.

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÁI BÌNH
ĐẾN Số: 233
Ngày: 19/01/2015
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011 - 2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013; số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 494/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc huyện Vũ Thư và huyện Quỳnh Phụ; số 647/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc các huyện, thành phố; số 1925/QĐ-UBND ngày 21/8/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 cho các xã thuộc các huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư và Kiến Xương; số 1932/QĐ-UBND ngày 21/8/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 và công trình phụ trợ cho các xã, thị trấn thuộc các huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư và Kiến Xương;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 06/TTr-VPĐP ngày 12/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc huyện Vũ Thư, cụ thể:

- Khối lượng xi măng điều chỉnh giảm: 426,8 tấn (03 xã);
- Khối lượng xi măng điều chỉnh tăng: 420,5 tấn (03 xã),

(Có Phụ lục: 1, 2A, 2B chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo danh mục và khối lượng xi măng điều chỉnh của các xã thuộc huyện Vũ Thư trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo quyết định được duyệt;

- Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư và Ủy ban nhân dân các xã: Thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ, quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục 1:

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC XÃ THUỘC HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số 83 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2015 của UBND tỉnh).

STT	Huyện/xã	Khối lượng xi măng điều chỉnh (tấn)	
		Giảm	Tăng
	Tổng cộng (03 xã)	**426,8**	**420,5**
1	Tam Quang	68,0	67,8
2	Vũ Hội	271,5	265,4
3	Minh Lãng	87,3	87,3

Phụ lục 2A:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ, HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số 83 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Số Quyết định đã phê duyệt	Điều chỉnh giảm		
			Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (3 xã)				**426,8**
1	**Xã Tam Quang**				**68,0**
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**				**68,0**
	Bm 3,0m		***84***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***12,4***
	Từ nhà ông Tông đến bờ sông Nghĩa Khê	QĐ 647	34		5,0
	Đường từ trục thôn đến ông Chuyển xóm 8	QĐ 647	50		7,4
	Bm 2,5m		***451***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***55,6***
	Đường từ nhà ông Dạnh đến nhà bà Mơ xóm 6	QĐ 647	22		2,7
	Đường từ trục xã đến cổng ông Lý xóm 4	QĐ 494	90		11,1
	Trục xã đến nhà bà Tuyển	QĐ 647	24		3,0
	Sau ông thinh- ông Số xóm 6	QĐ 647	33		4,1
	Từ trục thôn ông Uông	QĐ 647	110		13,5
	Từ trục xã - bà Cường xóm 2	QĐ 494	120		14,8
	Từ ông Khánh - ông Sơn xóm 2	QĐ 647	52		6,4
2	**Xã Vũ Hội**				**271,5**
*	**Đường giao thông trục thôn**				**245,0**
	Bm 3,5m		***1250***	***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm***	***245,0***
	Đường Trại Đáy	QĐ 1932	1000		196,0
	Đường cửa chùa	QĐ 1932	250		49,0
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**				**26,5**
	Từ ngõ ông Trung đến ngõ ông Hoài	QĐ 1932	180	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	26,5
3	**Xã Minh Lãng**				**87,3**
*	**Đường giao thông nội đồng trục chính**		**450**		**87,3**
	Từ cầu Sọng đến Song Lãng	QĐ 1925	200	***Bm 3,5m;BT M200;dày 14cm, dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	38,8
	Từ cầu ông Bất đến Song Lãng	QĐ 1925	250		48,5

Phụ lục 2B:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TĂNG LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ, HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số 93 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Điều chỉnh tăng		
		Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (03 xã)			**420,5**
1	**Xã Tam Quang**			**67,8**
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**			**67,8**
	Bm 3,0m	***106***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***15,6***
	Đường từ nhà ông Dạnh đến nhà bà Mơ xóm 6	22		3,2
	Từ nhà ông Tông đến bờ sông Nghĩa Khê	34		5,0
	Đường từ trục thôn đến ông Chuyển xóm 8	50		7,4
	Bm 2,5m	***426***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***52,2***
	Đường từ trục xã đến cổng ông Lý xóm 4	89		10,9
	Trục xã đến nhà bà Tuyển	24		2,9
	Sau ông thinh- ông Số xóm 6	33		4,0
	Từ trục thôn ông Uông	109		13,4
	Từ trục xã - bà Cường xóm 2	120		14,7
	Từ ông Khánh - ông Sơn xóm 2	52		6,3
2	**Xã Vũ Hội**			**265,4**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**168,0**
	Đường Trại Đáy	1000	***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm***	168,0
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**			**97,4**
	Bm 2,5m	***580***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***71,4***
	Đường từ ngõ ông Đích đến ngõ ông Ngọc	120		14,8
	Đường từ ngõ ông Việt đến ngõ ông Hưng	65		8,0
	Đường từ nhà anh Hòa đến nhà anh Quang	260		32,0
	Đường ông Chúc	135		16,6
	Mở rộng	***520***		***26***
	Đường cửa chùa	520		26,0
3	**Xã Minh Lãng**			**87,3**
*	**Đường giao thông nội đồng trục chính**	**450**		**87,3**
	Đường từ ngõ ông Vũ đến ngõ ông Bộ Đồng Hóa	450	***Bm 3,5m;BT M200;dày 14cm, dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	87,3